HĐTL VN30 - KIỂM NGHIỆM LẠI VÙNG HỖ TRỢ 1.500 - 1.505 ĐIỂM

MBSecurities

BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY

THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2204	21/4/2022	7	1512.50	40,928
VN30F2205	19/5/2022	35	1511.00	1,495
VN30F2209	15/9/2022	154	1510.90	722
VN30F2212	15/12/2022	245	1503.50	288

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN

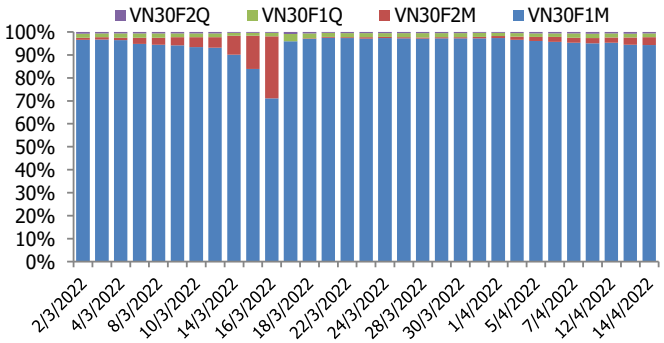

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phái sinh điều chỉnh trở lại, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 4,2 đến 7,2 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 7,38 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng không thay đổi nhiều so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 tăng lên -5,51 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng tăng lên -7,01 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm so với phiên liền trước, đạt 127.076 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 04 với 262 hợp đồng, luỹ kế mua ròng khoảng 5.281 hợp đồng.

- Phiên điều chỉnh hôm nay như một tín hiệu cho thấy phiên phục hồi hôm qua chỉ mang tính kỹ thuật do vậy nhà đầu tư thận trọng giao dịch trong phiên chiều. Thanh khoản là điều cần quan tâm trong các phiên sắp tới khi đã giảm về mức thấp nhất kể từ giữa tháng 3 và dưới ngưỡng 20.000 tỷ đồng. Ngày mai, lượng hàng từ phiên giảm gần 27 điểm sẽ về tài khoản, nhiều khả năng thị trường sẽ còn chịu áp lực rung lắc trong phiên sáng. Về kỹ thuật, phiên hôm nay thị trường tăng tốt trong phiên sáng nhưng không vượt được ngưỡng kỹ thuật MA100. Lúc này, cụm MA100 và MA50 là vùng cản mạnh đối với chỉ số VN-Index, tương ứng 1.485 – 1.491 điểm, trong khi ngưỡng hỗ trợ ở 1.448 -1.455 điểm.

- Dao động trong biên độ đang là lợi thế của hoạt động giao dịch ngắn hạn trên thị trường phái sinh. Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc thì nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh. Vùng giá mở lệnh Mua cân nhắc là 1505-1508 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1500 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1518-1522 điểm. Đối với vị thế trung hạn, quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày	Nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1505-1508 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1500 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1518-1522 điểm. Hoạt động Short được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1517;1522 và 1525 điểm.
Chiến lược giao dịch ngắn hạn	Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.
Chiến lược giao dịch spread	Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

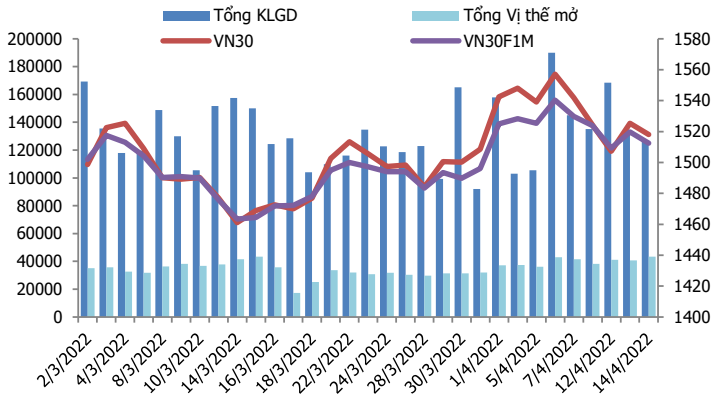

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2204	1512.5	0.68	126,371	-4.9	40,928	6.5
VN30F2205	1511.0	0.64	641	1.4	1,495	19.2
VN30F2209	1510.9	0.60	43	-60.6	722	0.8
VN30F2212	1503.5	0.51	21	-36.4	288	0.3
Tổng			127,076	-4.9	43,433	6.7

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M

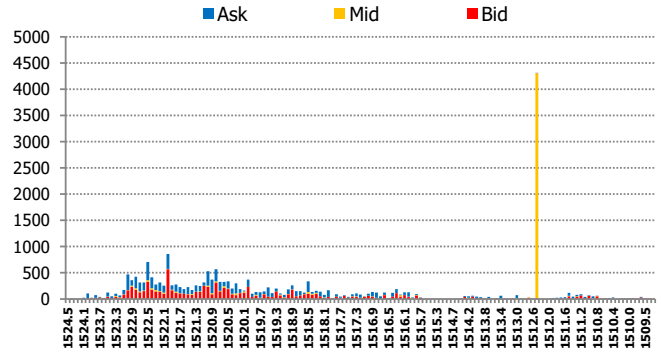

NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường phái sinh điều chỉnh trở lại, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 4,2 đến 7,2 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 7,38 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 4,93% so với phiên liền trước, đạt 127.076 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 04 với 126.371 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng HĐTL tháng 04 với 262 hợp đồng, luỹ kế mua ròng khoảng 5.281 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2204 là 1.518,39 điểm (cao hơn 5,89 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2205 là 1.519,89 điểm (+8,89 điểm), VN30F2206 là 1.526,31 điểm (+15,41 điểm) và VN30F2209 là 1.531,23 điểm (+27,73 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	NEUTRAL	SELL
Hỗ trợ	1505-1508	1503-1508	1487-1490
Kháng cự	1518-1522	1532-1536	1540-1550

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-1.5	-1.70	0.2	-1.12
VN30F1Q - VN30F1M	-1.6	-4.60	3	-3.64
VN30F1Q - VN30F2M	-0.1	-2.90	2.8	-2.52
VN30F2Q - VN30F1M	-9	-9.00	0	-7.72
VN30F2Q - VN30F2M	-7.5	-7.30	-0.2	-6.6
VN30F2Q - VN30F1Q	-7.4	-4.40	-3	-4.08

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN

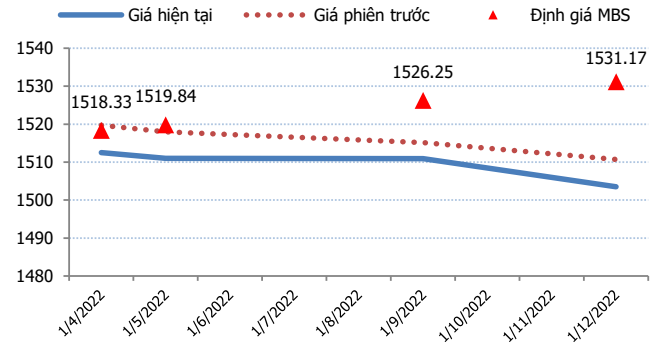

DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M

NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Thị trường phái sinh điều chỉnh trở lại, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 4,2 đến 7,2 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 7,38 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng không thay đổi nhiều so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 tăng lên -5,51 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng tăng lên -7,01 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.

- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -9 điểm đến -0,1 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) tăng thêm 0,2 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

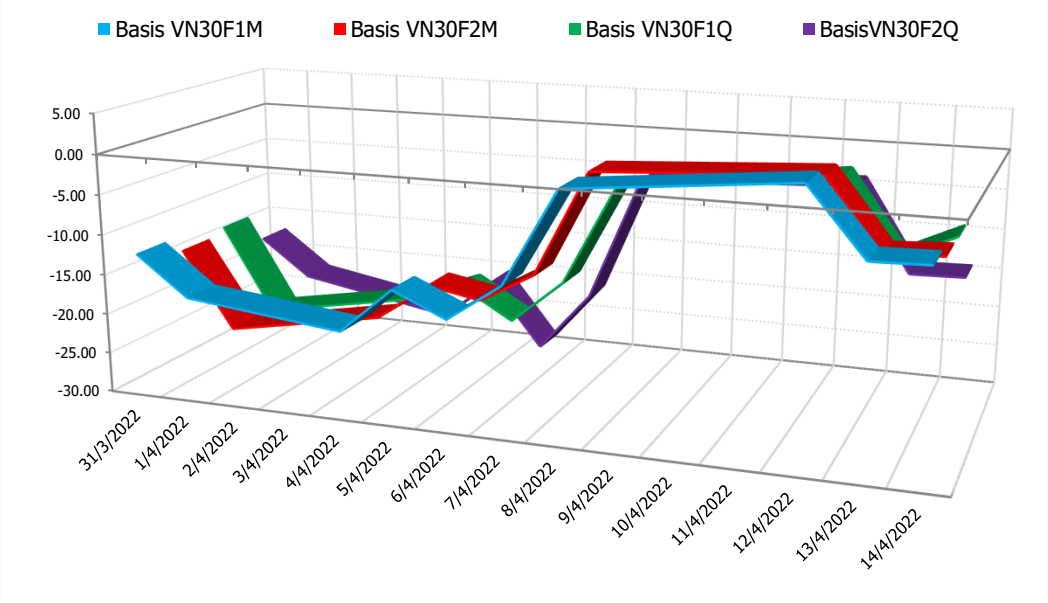

	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1472.12	1518.01
Thay đổi	-5.08	-7.38
%Chg	-0.34	-0.48
YTD	-1.75	-1.15
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,832.03	3,923.42
P/E	17.07	14.18
P/B	2.59	2.70

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30

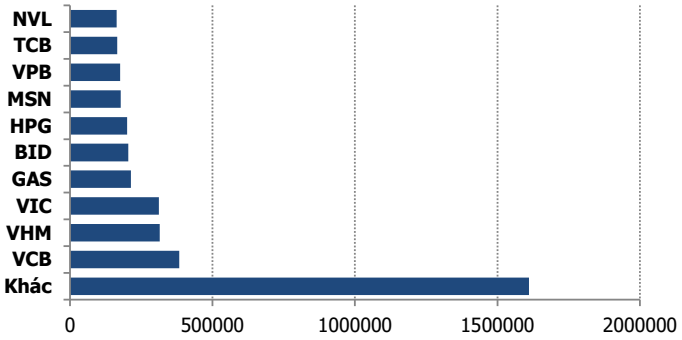

CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX

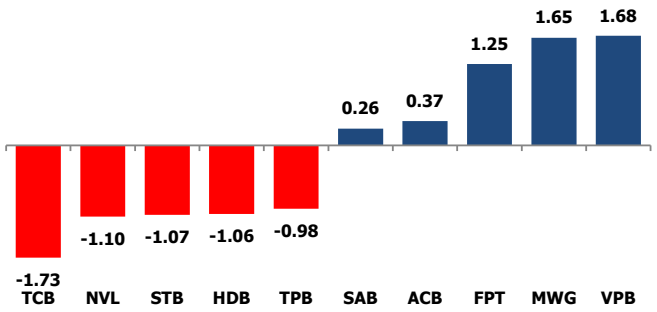

NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân đẩy các chỉ số chính quay trở lại đà giảm điểm. Số mã giảm điểm (20) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (8) và 2 mã đứng tham chiếu. TCB và NVL trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,73 điểm và -1,1 điểm; ngoài ra STB, HDB hay TPB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

  Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 7,38 điểm (-0,48%) xuống 1.518,01 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 132,37 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 7.191 tỷ đồng.

  Khối ngoại quay trở lại bán ròng với 233,08 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như HPG (-171 tỷ đồng), VND (-90 tỷ đồng), VHM (-41 tỷ đồng), VNM (-40 tỷ đồng), NLG (-37 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,472.12	(0.34)	17.07	(1.75)
Dow Jones	34,451.23	(0.33)	18.29	(5.19)
S&P500	4,392.59	(1.21)	22.52	(7.84)
Nikkei 225	27,166.66	(0.02)	15.37	(5.64)
Shanghai	3,225.64	1.22	13.64	(11.38)
DAX	14,163.85	0.62	14.49	(10.83)
Vàng	1,973.37	(0.02)		7.88
Dầu WTI	106.95	2.59		42.20

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 11/04/2022			
Anh - Tổng GDP (năm/năm)	10.5%	9.5%	9.5%
Anh - Tổng GDP (tháng/tháng)	0.8%	0.3%	0.1%
Anh - Sản lượng sản xuất (tháng/tháng) (Tháng 2)	0.9%	0.3%	-0.4%
Anh - Thay đổi GDP hàng tháng (3 tháng/3 tháng)	1.3%		1.0%
Thứ Ba - 12/04/2022			
Anh - Chỉ số thu nhập trung bình + tiền thưởng (Tháng 2)	4.8%	5.4%	5.4%
Anh - Thay đổi trợ cấp thất nghiệp (Tháng 3)	-58.0K	-41.1K	-46.9K
Đức - Chỉ số cảm tính kinh tế của ZEW (Tháng 4)	-39.3	-48.0	-41.0
Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.5%	0.5%	0.3%
Thứ Tư - 13/04/2022			
New Zealand - Quyết định lãi suất	1.00%	1.25%	1.50%
Anh - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 3)	6.2%	6.7%	7.0%
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.9%	1.1%	1.4%
Canada - Quyết định lãi suất	0.50%	1.00%	1.00%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	2.421M	0.863M	9.382M
Thứ Năm - 14/04/2022			
Úc - Thay đổi việc làm (Tháng 3)	77.4K	40.0K	17.9K
Châu Âu - Tỷ lệ phương tiện tiền gửi (Tháng 4)	-0.50%	-0.50%	-0.50%
Châu Âu - Công cụ cho vay thanh khoản của NHTW	0.25%	0.25%	0.25%
Châu Âu - Quyết định lãi suất (Tháng 4)	0.00%	0.00%	0.00%
Mỹ - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.6%	1.0%	1.1%
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	167K	171K	185K
Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.8%	0.6%	0.5%
Thứ Sáu - 15/04/2022			

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- S&P 500 và Nasdaq Composite giảm điểm, khép lại tuần qua với mức giảm khi nhà đầu tư tiếp nhận kết quả lợi nhuận từ các ngân hàng lớn và lạm phát gia tăng. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 rớt 1,21% xuống 4.392,59 điểm, chỉ số Nasdaq Composite mất 2,14% còn 13.351,08 điểm. Chỉ số Dow Jones lùi 113,36 điểm (-0,33%) xuống 34.451,23 điểm. Chứng khoán Mỹ giảm điểm khi lạm phát chiếm sự chú ý nhất của nhà đầu tư trong tuần này.

- Giá dầu tiếp tục tăng sau khi giảm vào đầu phiên khi nhà đầu tư mua vào những cổ phiếu đã bán trước cuối tuần nghỉ dài, và khi có thông tin Liên minh châu Âu (EU) có thể sẽ ra lệnh cấm nhập khẩu dầu Nga. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 2,92 USD (+2,68%) lên 111,70 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 2,70 USD (+2,59%) lên 106,95 USD/thùng.

- Giá vàng giảm sau khi đồng USD tăng mạnh và lợi suất trái phiếu Mỹ tăng, song nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn được thúc đẩy bởi khủng hoảng Ukraine và lạm phát, khiến vàng có tuần tăng. Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,3% xuống 1.971,04 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 6/2022 trên sàn New York giảm 0,5% xuống 1.974,9 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 TCB, NVL và STB là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 quay trở lại đà giảm điểm. Trong đó, TCB gây ảnh hưởng -1,73 điểm tới chỉ số VN30.

DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VPB	Banks	8.76	39,500	1.28	4.37%	930.882	1.68	14.92	2.24
HPG	Metals & Mining	7.87	44,900	-0.66	1.45%	543.275	-0.80	6.27	2.22
TCB	Banks	7.69	47,300	-1.46	2.55%	397.624	-1.73	9.19	1.80
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	6.41	116,600	1.30	3.21%	413.909	1.25	24.33	5.90
VIC	Real Estate Management & Development	6.07	81,700	-0.61	1.36%	143.967	-0.56	#N/A N/A	3.03
ACB	Banks	5.53	33,800	0.45	1.64%	166.014	0.37	9.51	2.03
MWG	Specialty Retail	5.27	159,500	2.11	5.03%	467.335	1.65	23.00	5.58
VHM	Real Estate Management & Development	5.26	72,300	-1.09	2.08%	266.403	-0.88	8.03	2.52
MSN	Food Products	5.08	125,700	-0.95	2.41%	100.382	-0.74	20.79	5.43
MBB	Banks	4.78	32,300	-0.92	1.86%	257.359	-0.67	9.61	2.05
VNM	Food Products	4.55	76,300	-1.17	2.23%	139.04	-0.81	16.89	4.82
NVL	Real Estate Management & Development	4.09	85,000	-1.73	4.52%	576	-1.10	44.49	4.68
STB	Banks	3.93	30,800	-1.75	2.44%	201.061	-1.07	16.55	1.69
VCB	Banks	3.01	81,000	-1.70	2.35%	94.296	-0.79	17.49	3.52
HDB	Banks	2.71	27,300	-2.50	2.93%	104.539	-1.06	8.98	1.87
VJC	Airlines	2.64	136,900	-0.87	2.67%	87.721	-0.35	60.29	4.38
TPB	Banks	2.64	39,050	-2.38	2.56%	100.596	-0.98	11.82	2.38
SSI	Capital Markets	2.08	42,000	-1.29	2.51%	182.156	-0.41	19.34	3.05
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.61	117,000	0.86	4.29%	149.263	0.21	25.85	4.42
VRE	Real Estate Management & Development	1.61	31,850	0.00	1.10%	70.945	0.00	55.06	2.36
CTG	Banks	1.60	31,200	-0.95	2.41%	92.275	-0.23	#N/A N/A	#N/A N/A
KDH	Real Estate Management & Development	1.49	50,100	-0.99	1.81%	50.794	-0.23	28.13	3.16
PDR	Capital Markets	1.26	89,500	-1.65	2.23%	275.896	-0.32	23.99	6.25
SAB	Food Products	0.84	166,900	2.08	3.34%	16.645	0.26	29.19	5.04
GAS	Gas Utilities	0.76	111,600	1.36	1.08%	51.666	0.16	25.48	4.18
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.65	15,550	-0.96	1.93%	96.897	-0.10	20.26	1.27
BID	Banks	0.58	40,500	-0.98	2.22%	77.148	-0.09	19.44	2.46
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.50	54,700	0.00	1.84%	56.527	0.00	23.33	2.77
GVR	Real Estate Management & Development	0.39	34,550	0.14	3.05%	53.743	0.01	33.24	2.89
BVH	Beverages	0.33	62,500	-1.26	3.36%	85.216	-0.06	24.47	2.19

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30		Đặc điểm sản phẩm
1	**Mã hợp đồng**		VN30F-yy-mm
2	**Tài sản cơ sở**		Chỉ số cổ phiếu VN30
3	**Hệ số nhân hợp đồng**		100.000 đồng
4	**Quy mô 01 hợp đồng**		100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	**Tháng đáo hạn**		-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	**Phương thức giao dịch**		- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	**Thời gian giao dịch**	**GD Khớp lệnh định kỳ** **GD khớp lệnh liên tục** **GD Thỏa thuận**	- ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 - 08h45 - 14h45
8	**Các loại lệnh giao dịch**		LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	**Nguyên tắc khớp lệnh**		Ưu tiên giá và thời gian.
10	**Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh**		01 hợp đồng
11	**Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh**		500 hợp đồng
12	**Đơn vị yết giá/ Bước giá**		0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	**Biên độ dao động**		+/- 7%
14	**Ngày giao dịch cuối cùng**		Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	**Ngày thanh toán cuối cùng**		Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	**Phương thức thanh tóan**		Thanh tóan bằng tiền
17	**Giá thanh toán hàng ngày**		Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	**Giá thanh tóan cuối cùng**		Giá đóng của của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	**Giá tham chiếu**		Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	**Mở tài khoản**		Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	**Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK**		NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	**Mức ký quỹ ban đầu**		Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	**Mức ký quỹ duy trì**		Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	**Ký quỹ bổ sung**		Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	**Thoát khỏi hợp đồng tham gia**		Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Webiste: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn